

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HS-PT
Ngày: 30-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Kim Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 103/2017/HSPT ngày 15 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Sĩ T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2017/HSST ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B.

- Bị cáo có kháng cáo: NGUYỄN SĨ T

Sinh năm 1983 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số 488, ấp Bình C, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc L và bà Võ Thị Thanh L; tiền án: không; tiền sự: có 06 tiền sự. Tại Quyết định số 18/QĐ-XPHC ngày 17/3/2015 của Công an thành phố B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; tại Quyết định số 03/QĐ-XPHC ngày 18/12/2015 của Công an xã P ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; tại Quyết định số 39/QĐ-XPHC ngày 15/7/2016 của Công an xã P ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; tại Quyết định số 54/QĐ-XPHC ngày 05/8/2016 của Công an xã P ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, tại Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân xã P ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn 03 tháng; tại Quyết định số 33/QĐ-TA ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre ra

quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng; bị bắt tạm giam từ ngày 25/8/2017 cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 18/5/2017, Nguyễn Sĩ T đi bán vé số bằng xe mô tô biển số xxHx - xxxx(xe của ông Nguyễn Ngọc L, là cha của T) và gặp Ngô Thanh H (H đồ bà, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre) ở gần khu vực bến phà H cũ. Tại đây, H rủ T đi trộm cắp tài sản thì T đồng ý. Để thực hiện ý định, T điều khiển xe mô tô biển số xxHx - xxxxchở H chạy trên đường cấp bờ sông Hàm Luông theo hướng từ Phường 7 vào xã P để tìm tài sản lấy trộm. Khi chạy xe ngang qua nhà của bà Trần Ánh N ở số 391D, ấp L, xã P, thành phố B, H nhìn thấy bên trong nhà bà N (gần cửa ra vào) có để 01 mô tơ điện nên H kêu T quay xe lại và T ở ngoài đường canh chừng, để H vào lấy trộm mô tơ điện của bà N đem ra ngoài xe rồi cùng T đem mô tơ điện đến vừa ve chai của bà Nguyễn Thị Kim C ở số 147C, khu phố B, phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre bán được 250.000 đồng chia nhau để tiêu xài. Sau đó, hành vi của T và H bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ:

- 01 mô tơ điện loại 02HP, màu xám (do bà Nguyễn Thị Kim C giao nộp);
- Tiền Việt Nam: 250.000 đồng (do T giao nộp 130.000 đồng, H giao nộp 120.000 đồng);
- 01 xe mô tô hai bánh, hiệu KAWASAKI, màu xanh đen, biển số xxHx - xxxx, số máy: MHxxxxxxx, số khung VM xxxxxxxxx (do T giao nộp).

Theo bảng kết luận định giá trị tài sản số 555/KL-HĐĐG ngày 05/6/2017 của Hội đồng định giá thành phố B kết luận: 01 mô tơ điện loại 02HP, màu xám trị giá vào ngày 18/5/2017 là 1.300.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Sĩ T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết quả thực nghiệm điều tra, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được. Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho bị hại Trần Ánh N 01 mô tơ điện loại 02HP và trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 250.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2017/HS-ST ngày 07-11-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Sĩ T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Sĩ T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2017.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20-11-2017 bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

- Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là phù hợp.

- Về nội dung: mặc dù đã có tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo Nguyễn Sĩ T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại có giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.300.000 đồng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Sĩ T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật, mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng; tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Sĩ T 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo phát biểu ý kiến: Xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Sĩ T khai nhận hành vi trộm cắp tài sản phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: mặc dù Nguyễn Sĩ T đã có tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, chưa nộp phạt nhưng vào khoảng 09 giờ 20 phút ngày 18/5/2017, tại nhà số 391D, ấp L, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, bị cáo Nguyễn Sĩ T đã có hành vi cấu kết với Ngô Thanh H lén lút chiếm đoạt của bà Trần Ánh N 01 mô tua điện loại 02HP trị giá 1.300.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Sĩ T phạm “Tội trộm cắp

tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị Cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và giáo dục tại xã. Tuy nhiên; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 09 tháng tù.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: bị cáo có nhân thân không tốt; đã từng bị kết án về tội chiếm đoạt, đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đã có tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt nhưng không chịu cải sửa bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, điều đó chứng tỏ bị cáo là người khó cải tạo giáo dục, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội; mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả bị cáo gây ra, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết mới có ý nghĩa xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy các quyết định của Bản án sơ thẩm có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo nên giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 76/2017/HSST ngày 07-11-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Sĩ T 09 (chín) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2017.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Nguyễn Sĩ T phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Công an thành phố Bến Tre (1b);
- Nhà tạm giữ Công an thành phố B, bị cáo (2b);
- TAND thành phố Bến Tre (3b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã P – thành phố B (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng
Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Tôn Văn Thông